

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT       |  | Khách hàng                          | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện   | Loại than | SL làm TB            | SL thực rút          | SL còn lại           | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                                  |
|-----------|--|-------------------------------------|-------------|---------|-----------------|-------------------|-----------|----------------------|----------------------|----------------------|-----------|------------------|--------------------------------------------------|
|           |  | <b>TỔNG CỘNG</b>                    |             |         |                 |                   |           | <b>216 773</b>       | <b>78 260</b>        | <b>143 954</b>       |           |                  |                                                  |
| <b>I</b>  |  | <b><u>CẢNG CHÍNH</u></b>            |             |         |                 |                   |           | <b><u>36 451</u></b> | <b><u>8 499</u></b>  | <b><u>27 952</u></b> |           |                  |                                                  |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>  |             |         |                 |                   |           | <b>9 421</b>         | <b>8 499</b>         | <b>922</b>           |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐẠM NINH BÌNH                       | 29/10       | 1351/10 | 31/10           | NB 8902           | CẨM 4A.1  | 2 300                | 2 013                | 287                  | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           | THAY 1345/10                                     |
| 2         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 29/10       | 1352/10 | 31/10           | QN 4140           | CẨM 4A.1  | 1 800                | 1 199                | 601                  | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           |                                                  |
| 3         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 29/10       | 1349/10 | 31/10           | QN 4330           | CẨM 4A.1  | 1 700                | 1 689                | 11                   | 29/10     | HỘ LỚN           | MỖN: 1.680,84                                    |
| 4         |  | ĐẠM HÀ BẮC                          | 29/10       | 1350/10 | 31/10           | QN 4114           | CẨM 4A.1  | 1 700                | 1 692                | 8                    | 29/10     | HỘ LỚN           | MỖN: 1.683,76                                    |
| 5         |  | TNV HẢI DƯƠNG                       | 28/10       | 04/10   | 31/10           | BN 2212           | CỤC XỎ 1C | 1 921                | 1 906                | 15                   | 29/10     | TD               | GIA HẠN L2                                       |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>  |             |         |                 |                   |           | <b>27 030</b>        |                      | <b>27 030</b>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 17/10       | 1330/10 | 31/10           | VIỆT THUẬN 235-07 | CẨM 6A.14 | 23 050               |                      | 23 050               |           | HỘ LỚN           |                                                  |
| 2         |  | DVVT QN                             | 23/10       | 1294/10 | 30/10           | BN 2629           | CỤC XỎ 1C | 1 980                |                      | 1 980                |           | TD               | GIA HẠN L1                                       |
| 3         |  | V TRACO                             | 26/10       | 25/10   | 31/10           | BN 0719           | CỤC XỎ 1C | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               |                                                  |
| 4         |  | CROMIT                              | 27/10       | 28/10   | 31/10           | BN 1826           | CỤC XỎ 1C | 1 000                |                      | 1 000                |           | TD               |                                                  |
|           |  | <b><u>Tàu chuyển tải</u></b>        |             |         |                 |                   |           | <b><u>85 500</u></b> | <b><u>20 219</u></b> | <b><u>85 500</u></b> |           |                  |                                                  |
|           |  | <i>Tàu đang làm hàng</i>            |             |         |                 |                   |           | <b>56 000</b>        | <b>20 219</b>        | <b>56 000</b>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 23/10       | 1339/10 |                 | HẢI NAM 79        | CẨM 6A.14 | 27 350               | 7 200                | 27 350               | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           | KDTCP: 9.000 - CLM: 14.000 - KVCP: 4.350         |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 26/10       | 1343/10 |                 | HẢI NAM 39        | CẨM 6A.10 | 28 650               | 13 019               | 28 650               | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           | TTCO: 13.019 - CLM: 8.000 - KDTCP: 4.000 - KVCP: |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</i> |             |         |                 |                   |           | <b>29 500</b>        |                      | <b>29 500</b>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                     | 28/10       | 1347/10 |                 | VIỆT THUẬN 30-05  | CẨM 6A.14 | 29 500               |                      | 29 500               |           | HỘ LỚN           | TTCO: 23.000 - CLM: 2.000 - KDTCP: 3.000 - KVCP: |
| <b>II</b> |  | <b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>       |             |         |                 |                   |           | <b><u>38 866</u></b> | <b><u>13 316</u></b> | <b><u>25.550</u></b> |           |                  |                                                  |
|           |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>              |             |         |                 |                   |           | <b>18 159</b>        | <b>13 316</b>        | <b>4 843</b>         |           |                  |                                                  |
| 1         |  | NINH BÌNH                           | 29/10       | 1 064   | 31/10           | BN - 2869         | CẨM 7B    | 2 226                | 2 172                | 54                   | 29/10     | PT CB            | CAO SƠN                                          |
| 2         |  | NINH BÌNH                           | 28/10       | 1 024   | 31/10           | HD - 2099         | CẨM 8A    | 1 955                | 1 952                | 3                    | 29/10     | TD               | CAO SƠN                                          |
| 3         |  | XD CN MỎ                            | 24/10       | 859     | 31/10           | BN - 2728         | CẨM 8A    | 2 580                | 2 578                | 2                    | 29/10     | TD               | ĐN - CS                                          |
| 4         |  | XD CN MỎ                            | 26/10       | 628     | 31/10           | BN 1296           | CỤC 1B    | 1 150                | 1 135                | 15                   | 29/10     | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
| 5         |  | HÀ NỘI                              | 29/10       | 1 068   | 31/10           | BN - 1299         | CẨM 7B    | 1 300                | 1 283                | 17                   | 29/10     | TD               | CAO SƠN                                          |
| 6         |  | CP DVVT QUẢNG NINH                  | 29/10       | 1 101   | 31/10           | BN - 2012         | CẨM 8A    | 1 970                | 1 342                | 628                  | dỡ        | TD               | CAO SƠN                                          |
| 7         |  | CP VT&KD THAN                       | 28/10       | 1 027   | 31/10           | HD - 1991         | CẨM 8A    | 1 828                | 1 087                | 741                  | dỡ        | TD               | ĐN - CS                                          |
| 8         |  | NGHỆ TỈNH                           | 28/10       | 1 028   | 31/10           | VIỆT TRUNG 69     | CẨM 8A    | 2 000                | 602                  | 1 398                | dỡ        | TD               | ĐN - CS                                          |
| 9         |  | CP ĐTTM&DV                          | 25/10       | 890     | 31/10           | HP - 6093         | CẨM 8A    | 2 000                | 779                  | 1 221                | dỡ        | TD               | ĐN - CS                                          |
| 10        |  | CP ĐTTM&DV                          | 26/10       | 631     | 31/10           | BN 1468           | CỤC 1B    | 1 150                | 385                  | 765                  | dỡ        | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
|           |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>              |             |         |                 |                   |           | <b>20 707</b>        |                      | <b>20 707</b>        |           |                  |                                                  |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 29 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT        |  | Khách hàng                   | Ngày làm TB | Số TB      | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB            | SL thực rút          | SL còn lại          | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                      |
|------------|--|------------------------------|-------------|------------|-----------------|-----------------|-----------|----------------------|----------------------|---------------------|-----------|------------------|----------------------|
| 1          |  | CẦU ĐUÔNG                    | 26/10       | 579        | 31/10           | BN - 0567       | CỤC 1A    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 2          |  | CP ĐTTM&DV                   | 27/10       | 688        | 31/10           | BN - 2519       | CỤC 1A    | 1 100                |                      | 1 100               |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1 |
| 3          |  | CP DVVT QUẢNG NINH           | 29/10       | 725        | 31/10           | HD - 2095       | CẨM 8A    | 1 950                |                      | 1 950               |           | TD               | CAO SƠN - GIA HẠN L1 |
| 4          |  | CP HÀNG HẢI VN               | 23/10       | 819        | 30/10           | BN - 2397       | CỤC 1B    | 1 016                |                      | 1 016               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 5          |  | CP VT THUỶ                   | 26/10       | 930        | 31/10           | BN - 2365       | CỤC 1C    | 900                  |                      | 900                 |           | TD               | MÔNG DƯƠNG           |
| 6          |  | CP VT&KD THAN                | 28/10       | 1 025      | 31/10           | BN - 2225       | CỤC 1B    | 1 100                |                      | 1 100               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 7          |  | SÔNG HỒNG                    | 28/10       | 1 026      | 31/10           | BN - 2625       | CẨM 8A    | 800                  |                      | 800                 |           | TD               | ĐN - CS              |
| 8          |  | COALIMEX                     | 29/10       | 1 063      | 31/10           | BN - 2228       | CẨM 8A    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 9          |  | CP DVVT QUẢNG NINH           | 29/10       | 1 065      | 31/10           | BN - 1809       | CỤC 1A    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 10         |  | NINH BÌNH                    | 29/10       | 1 082      | 31/10           | TB 1382         | CỤC 1B    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 11         |  | COALIMEX                     | 29/10       | 1 088      | 31/10           | BN - 2022       | CỤC 1C    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | KHE CHÀM             |
| 12         |  | CROMIT CĐ                    | 29/10       | 1 091      | 31/10           | HD 2558         | CẨM 8A    | 2 080                |                      | 2 080               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 13         |  | CROMIT CĐ                    | 29/10       | 1 092      | 31/10           | BN 2267         | CẨM 7C    | 1 290                |                      | 1 290               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 14         |  | CẦU ĐUÔNG                    | 29/10       | 1 100      | 31/10           | BN - 2665       | CẨM 8A    | 2 000                |                      | 2 000               |           | TD               | ĐN - CS              |
| 15         |  | CẦU ĐUÔNG                    | 29/10       | 1 102      | 31/10           | BN - 2335       | CỤC 1B    | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               | THỐNG NHẤT           |
| 16         |  | CP ĐTTM&DV                   | 29/10       | 1 104      | 31/10           | BN - 2789       | CẨM 7C    | 2 471                |                      | 2 471               |           | TD               | ĐN - CS              |
| <b>III</b> |  | <b><u>KHO BẢO NGUYỄN</u></b> |             |            |                 |                 |           | <b><u>1 000</u></b>  | <b>-</b>             | <b><u>1 000</u></b> |           |                  |                      |
|            |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>       |             |            |                 |                 |           |                      |                      |                     |           |                  |                      |
|            |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>       |             |            |                 |                 |           | <b>1 000</b>         |                      | <b>1 000</b>        |           |                  |                      |
| 1          |  | CP SXTM THAN UÔNG BÍ         | 25/10       | 891/10     | 31/10           | BN 1368         | CỤC XỐ 1B | 1 000                |                      | 1 000               |           | TD               |                      |
| <b>IV</b>  |  | <b><u>KHO CẢNG KM6</u></b>   |             |            |                 |                 |           | <b><u>14 778</u></b> | <b><u>13 826</u></b> | <b><u>952</u></b>   |           |                  |                      |
|            |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>       |             |            |                 |                 |           | <b>14 778</b>        | <b>13 826</b>        | <b>952</b>          |           |                  |                      |
| 1          |  | CROMIT                       | 29/10       | 1 087      | 31/10           | HÙNG KHÁNH 68   | CẨM 5B.1  | 3 400                | 2 493                | 907                 | RÓT DỖ    | PTCB             |                      |
| 2          |  | KDT HẢI PHÒNG                | 28/10       | 1 015      | 31/10           | HP 5902         | CẨM 6A.1  | 1 450                | 1 446                | 4                   | 29/10     | PTCB             |                      |
| 3          |  | KDT MIỀN BẮC                 | 28/10       | 1 041      | 31/10           | HP 6194         | CẨM 6A.1  | 5 408                | 5 381                | 27                  | 29/10     | PTCB             |                      |
| 4          |  | KDT HẢI PHÒNG                | 29/10       | 1 066      | 31/10           | QN 9379         | CẨM 6A.1  | 1 920                | 1 913                | 7                   | 29/10     | PTCB             |                      |
| 5          |  | THAN MIỀN NAM                | 23/10       | 794        | 30/10           | HOÀNG ANH 36    | CỤC 1B    | 2 600                | 2 593                | 7                   | 29/10     | TD               |                      |
|            |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>       |             |            |                 |                 |           |                      |                      |                     |           |                  |                      |
| <b>V</b>   |  | <b><u>TÀU XUẤT KHẨU</u></b>  |             |            |                 |                 |           | <b><u>25 400</u></b> | <b><u>22 400</u></b> | <b><u>3 000</u></b> |           |                  |                      |
|            |  | <i>Tàu đã làm hàng</i>       |             |            |                 |                 |           | <b>22 400</b>        | <b>22 400</b>        |                     |           |                  |                      |
| 1          |  | INDONESIA                    | 14/10       | 40-B/10/XK |                 | MV CHANG NING 8 | CỤC 5B.2  | 22 400               | 22 400               |                     | 30/10     |                  | KVDB: 22.400         |
|            |  | <i>Tàu đã làm lệnh</i>       |             |            |                 |                 |           | <b>3 000</b>         |                      | <b>3 000</b>        |           |                  |                      |
| 1          |  | HÀN QUỐC                     | 15/10       | 43/10/XK   |                 | JIN RUN 988     | CỤC 4A.3  | 3 000                |                      | 3 000               |           |                  |                      |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

NGÀY 29 THÁNG 10 NĂM 2025

[illegible]